

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 14/2018/DS-PT

Ngày 18 và 19-01-2018

V/v Tranh chấp di sản thừa kế

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Tuấn

Bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18 và 19 tháng 01 năm 2018, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLPT - DS ngày 05/10/2017 về "Tranh chấp di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DSST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 194/2017/QĐPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H;

Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Y;

Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Bà Trần Thị Bích T;

Địa chỉ: Đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.(Giấy ủy quyền ngày 18/4/2012).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thế C;

Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị Xuân M;

- Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.
2. Bà Nguyễn Thị D;
Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
3. Bà Nguyễn Thị H1;
Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- Người đại diện theo ủy quyền của bà D và Bà H1: Bà Nguyễn Thị Thu H. (Giấy ủy quyền ngày 09/8/2012 và ngày 10/8/2012)
- Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.
4. Bà Nguyễn Diệp T;
Địa chỉ: Đường P, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.
5. Ủy ban nhân dân thành phố B;
Địa chỉ: Phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quang H, vắng mặt (Giấy ủy quyền ngày 27/7/2016).
6. Ngân hàng đầu tư và phát triển V;
Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, vắng mặt (Giấy ủy quyền ngày 17/11/2016).
7. Bà Nguyễn Thị H2;
Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
8. Ông Nguyễn Quốc C1;
Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.
- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:***

Bà Y và tôi là con của ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N. Khi còn sống ông B và bà N có 07 người con là Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thế C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Diệp T, Nguyễn Thị H2. Về nguồn gốc đất là do bố mẹ khai phá từ năm 1957. Năm 1991 mẹ là bà Nguyễn Thị N chết không để lại di chúc. Năm 1993 ông Nguyễn Văn B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B179654, tờ bản đồ 01, thửa đất 257, diện tích 684m², thửa số 258 diện tích 703m², đây là diện tích đất của 02 mặt hồ, còn diện tích đất còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng diện tích đất thực tế mà ông B sử dụng là 7.378m². Năm 1997, ông B cho tôi 1.800m² đất ao, tôi sử dụng từ đó cho đến nay. Ngày 02/6/2004 ông B có hợp gia đình để phân chia tài sản và chỉ định cho ông Nguyễn Thế C là người quản lý số tài sản còn lại nhưng có

02 thành viên trong gia đình không đồng ý nên cuộc họp gia đình bất thành. Năm 2006, ông B chết, đến nay ông C vẫn là người đang quản lý tài sản còn lại và giấy tờ pháp lý liên quan cũng do ông C giữ.

Nay tôi và bà Y khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật cụ thể như sau:

Tài sản yêu cầu chia di sản thừa kế là đất có diện tích thực tế 5.578m^2 , trong đó có $3.200,8\text{m}^2$ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thế C, bà Hồ Thị Xuân M. Còn đối với 1.800m^2 không yêu cầu chia vì bố tôi là ông Nguyễn Văn B cho tôi vào năm 1997 căn cứ vào giấy viết tay mà bố tôi cho tôi, có khối trưởng xác nhận.

Còn đối với nhà và các tài sản khác trên đất là của ông C xây dựng nên tôi không yêu cầu. Và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO762509, thửa đất số 57, tờ bản đồ 83, diện tích $3.200,8\text{m}^2$ cấp ngày 02/3/2009 đứng tên Nguyễn Thế C, Hồ Thị Xuân M, bởi lẽ các hàng thừa kế không thống nhất cho ông C, bà M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông C, bà M vẫn hợp thức hóa việc cấp giấy là không đúng quy định. Hơn nữa đây là đất thừa kế nên việc cấp giấy chứng nhận là không đúng. Đối với diện tích 2.600m^2 đất trồng cà phê mà HTX cấp cho tôi đã được UBND thị xã B (nay là thành phố B) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên tôi vào năm 1994 nên bà Y và tôi không yêu cầu chia di sản thừa kế.

**** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Y là bà Trần Thị Bích T trình bày:***

Tôi đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và yêu cầu chia 5.578m^2 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO762509, thửa đất số 57, tờ bản đồ 83, diện tích $3.200,8\text{m}^2$ cấp ngày 02/3/2009 đứng tên Nguyễn Thế C, Hồ Thị Xuân M. Bởi lẽ, đất này là đất thừa kế nhưng chưa được sự đồng ý của các đồng thừa kế mà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ.

**** Tại đơn kiện phản tố và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Thế C trình bày:***

Phần đất tôi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích $3.200,8\text{m}^2$, tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 83 đứng tên Nguyễn Thế C và Hồ Thị Xuân M thì tôi không yêu cầu chia di sản thừa kế. Bởi vì, ông Nguyễn Văn B đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho tôi và đã được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi. Đối với tài sản là diện tích đất $3.200,8\text{m}^2$, tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 83 đứng tên Nguyễn Thế C và Hồ Thị Xuân M là tài sản chung của vợ chồng, các con tôi không có công sức đóng góp gì.

Tôi đã làm đơn phản tố yêu cầu chia 1.800m² là diện tích ao mà bà Nguyễn Thị Thu H đang quản lý nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn B. Ông Nguyễn Văn B chỉ cho trên giấy viết tay chứ chưa có làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

Còn đối với diện tích đất ao mà ông Nguyễn Văn B cho tôi thì tôi không đồng ý chia vì ông B đã có viết giấy tay cho tôi và có giấy ủy quyền cho tôi làm sổ đỏ.

Tôi yêu cầu chia 2.600m² đất trồng cà phê do HTX thống nhất chia cho ông Nguyễn Văn B năm 1982. Bởi lẽ, ông B không có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cà phê này cho bà H. Hiện nay lô đất này bà H đang quản lý. Tôi yêu cầu chia đất và tài sản trên đất. Ngoài ra tôi không còn yêu cầu chia tài sản nào khác. Tôi khẳng định các tài sản hiện đang tranh chấp là của vợ chồng tôi, ngoài ra các con tôi không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản này. Và các con tôi đã có đơn từ chối tham gia tố tụng.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Xuân M trình bày:** Đồng ý với trình bày của chồng tôi là ông Nguyễn Thế C và không bổ sung gì thêm.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Không có ý kiến gì thêm và thống nhất ý kiến đã trình bày.

- Tại bản tự khai ngày 03/6/2013 bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Tôi không nhận (từ chối) phần thừa kế của tôi và đề nghị Tòa án chia phần thừa kế này cho các đồng thừa kế còn lại. Tôi xin từ chối tham gia tố tụng.

- Bà Nguyễn Thị Diệp T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long: Tôi xin khước từ phần tài sản thừa kế và không nhận bất kỳ tài sản gì do bố mẹ để lại. Phần tài sản này tôi đề nghị Tòa án chia theo pháp luật.

- Ông Nguyễn Quốc C1 trình bày: Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị Thu H, tài sản thừa kế của bố mẹ bà H để lại tôi không liên quan gì nên tôi từ chối tham gia tố tụng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- Ngân hàng đầu tư và phát triển V - đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông Nguyễn Quốc C1 và bà Nguyễn Thị Thu H có vay vốn của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V - Chi nhánh Đắk Lắk với số tiền gốc 200.000.000đ và lãi suất tạm tính đến hết ngày 16/11/2016 là số tiền 933.333đ theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/5188723/HĐTD ngày 01/11/2016. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT903797 do UBND thành phố B cấp ngày 14/11/2014 tại thửa đất số 151, tờ bản đồ 68, diện tích 2.624,3m² và

quyền sử dụng đất số AL471744 do UBND thành phố B cấp ngày 20/11/2007 thửa đất số 66, tờ bản đồ 83, diện tích 364,6m² tọa lạc tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng đang tranh chấp chia di sản thừa kế. Tuy nhiên, do khoản nợ của bà H và ông C1 chưa đến hạn thanh toán cho ngân hàng nên ngân hàng không làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp ông C1 và bà H không trả được nợ khi đến hạn thì ngân hàng sẽ khởi kiện sau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố B - đại diện ông Võ Quang H trình bày: Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Thế C do UBND phường K lập ngày 14/9/2009 gồm: Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Thế C do UBND phường K xác nhận ngày 06/5/1997; Biên bản thẩm tra hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Các tờ khai nộp tiền lệ phí trước bạ, tiền sử dụng đất. Căn cứ khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND phường K lập ngày 14/9/2007, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B lập chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính cho hộ ông Nguyễn Thế C gửi chi cục thuế thành phố B. Ngày 24/12/2008, chi cục thuế thành phố B phát hành thông báo nộp tiền lệ phí trước bạ, tiền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Thế C. Ngày 15/01/2009, hộ ông Nguyễn Thế C nộp tiền tại kho bạc thành phố B theo biên lai số 15560. Ngày 02/3/2009 UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 762506 cho hộ ông Nguyễn Thế C và bà Hồ Thị Xuân M đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ 83, diện tích 3.200,8m². Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C, bà M là đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 58/2017/DSST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ Điều 646, Điều 652 và Điều 674 Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, khoản 2 điều 244, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N bao gồm 07 người con: Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thế C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Diệp T, Nguyễn Thị H2 (Trong đó có bà Nguyễn Diệp T và bà Nguyễn Thị H2 từ chối nhận di sản thừa kế).

Xác định di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị N để lại gồm:

+ Diện tích đất 1.400,35m² là một phần đất nằm trong thửa đất số 57, tờ bản đồ số 83, diện tích 3.200,8m², tọa lạc tại phường K, thành phố B đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 762509, ngày 02/3/2009, đứng tên hộ Nguyễn Thế C, Hồ Thị Xuân M, trị giá 262.500.000đ.

+ Diện tích đất 1.148,15m² là một phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BT 903797 tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 68, diện tích 2.624,3m², tọa lạc tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên Nguyễn Thị Thu H, trị giá 70.000.000đ.

+ Phần diện tích đất 766,5m² là phần đất nằm trong diện tích 1.752m² (trong thửa số 258 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn B và phần đất bao quanh, trị giá 35.000.000đ.

- *Xác định di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N để lại là:*

+ Lô đất có diện tích 1.353,2m² (là phần đất quanh bờ hồ - bao quanh diện tích đất 684m² - diện tích thực tế là 766,7m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 257, tờ bản đồ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B179654 ngày 10/7/1993 đứng tên ông Nguyễn Văn B do ông C đang quản lý, sử dụng), trị giá: 61.279.824đ.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị Thu H là: 684m² (diện tích thực tế là 766,7m²) đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/7/1993 tại thửa đất 257, tờ bản đồ 01 tọa lạc tại phường K, thành phố B và 01 căn nhà cấp 4 trên đất nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 điều 244 BLTTDS để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

* *Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Y về yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị N để lại là: Diện tích đất 1.400,35m² là một phần đất nằm trong thửa đất số 57, tờ bản đồ số 83, diện tích 3.200,8m², tọa lạc tại phường K, thành phố B đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 762509, ngày 02/3/2009, đứng tên hộ Nguyễn Thế C, Hồ Thị Xuân M, trị giá 262.500.000đ. Và phần diện*

tích đất 766,5m² là phần đất nằm trong diện tích 1.752m² (trong thửa số 258 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn B và phần đất bao quanh), trị giá 35.000.000đ.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn B là: Phần diện tích đất 1.800,45m² là một phần nằm trong thửa đất số 57, tờ bản đồ số 83, diện tích 3.200,8m², tọa lạc tại phường K, thành phố B đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 762509, ngày 02/3/2009, đứng tên hộ Nguyễn Thế C, Hồ Thị Xuân M, trị giá: 337.500.000đ. Và phần diện tích 985,5m² (phần đất nằm trong diện tích 1.752m² trong thửa số 258 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn B và phần đất bao quanh). Và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: thửa đất số 57, tờ bản đồ số 83, diện tích 3.200,8m², tọa lạc tại phường K, thành phố B đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 762509, ngày 02/3/2009, đứng tên hộ Nguyễn Thế C, Hồ Thị Xuân M.

** Chấp nhận một phần đơn phản tố của ông Nguyễn Thế C về yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị N để lại là:* Phần đất có diện tích 766 m² là một phần đất nằm trong phần đất có diện tích thực tế là 1.752m², trong đó có diện tích 703m² (thực tế là 747,8m²), thửa số 258 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn B. Và phần diện tích đất 1.148,15m² là một phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BT 903797 tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 68, diện tích 2.624,3m², tọa lạc tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên Nguyễn Thị Thu H.

Bác một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thế C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn B để lại gồm: Phần đất có diện tích 985,5m² là một phần đất nằm trong phần đất có diện tích thực tế là 1.752m²; trong đó có diện tích 703m² (thực tế là 747,8m²), thửa số 258 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn B. Và một phần đất có diện tích 1.476,15m² - là một phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BT 903797 tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 68, diện tích 2.624,3m², tọa lạc tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên Nguyễn Thị Thu H.

*** Chia bằng hiện vật:**

- Chia cho ông Nguyễn Thế C được quyền quản lý, sử dụng phần di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị N để lại là:

+ Diện tích đất 1.400,35m² và toàn bộ tài sản trên đất là một phần đất nằm trong thửa đất số 57, tờ bản đồ số 83, diện tích 3.200,8m², tọa lạc tại phường K, thành phố B đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số AO 762509, ngày 02/3/2009, đứng tên hộ Nguyễn Thế C, Hồ Thị Xuân M, trị giá 262.500.000đ.

+ Phần diện tích đất 766,5m² và toàn bộ tài sản trên đất là phần đất nằm trong diện tích 1.752m² (trong thửa số 258 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn B, trị giá 35.000.000đ. Cùng Lô đất có diện tích 1.353,2m² (là phần đất quanh bờ hồ - bao quanh diện tích đất 684m² - diện tích thực tế là 766,7m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 257, tờ bản đồ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B179654 ngày 10/7/1993 đứng tên ông Nguyễn Văn B do ông C đang quản lý, sử dụng), trị giá: 61.279.824đ. Lô đất có tứ cận:

Phía Đông giáp nhà ông Nh dài 58,1m

Phía Nam giáp nhà ông N rộng 54,3m

Phía Tây giáp nhà ông Ch dài 54,2m

Phía Bắc giáp nhà ông M rộng 67,8m

Tổng giá trị tài sản ông Nguyễn Thế C được chia là: 358.779.824đ.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Thu H được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 1.148,15m² và toàn bộ tài sản trên đất là một phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 903797 tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 68, diện tích 2.624,3m², tọa lạc tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên Nguyễn Thị Thu H, trị giá: 70.000.000đ.

Chia bằng giá trị tài sản:

Ông Nguyễn Thế C có nghĩa vụ thanh toán lại phần giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế: Bà Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 mỗi người là 59.255.964đ.

Ông Nguyễn Thế C thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thu H là 111.855.964đ (trong đó: 59.255.964đ tiền di sản thừa kế + 7.000.000 đ tiền công sức duy trì phát triển khối di sản và 45.000.000đ tiền di sản của ông B mà bà H được hưởng).

Bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán giá trị phần di sản thừa kế lại cho các đồng thừa kế: Bà Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thế C mỗi người là 14.000.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về chi phí đo đạc: Ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 mỗi người phải chịu chi phí đo đạc là 1.523.276đ.

Bà Nguyễn Thị Thu H được nhận lại 6.093.107đ chi phí đo đạc sau khi thu được của ông C, bà D, bà H1, bà Y.

- Về chi phí định giá: Ông Nguyễn Thế C, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1 mỗi người phải chịu 400.000đ chi phí định giá.

Bà Nguyễn Thị Thu H được nhận lại 1.600.000đ chi phí định giá sau khi thu được của ông C, bà D, bà H1, bà Y.

- Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thu H mỗi người phải chịu án phí DSST là: 3.692.000đ (làm tròn số).

Bà Nguyễn Thị Thu H được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 714.000đ theo biên lai số 008976 ngày 13/4/2012 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị Thu H còn phải nộp 2.978.000đ.

Bà Nguyễn Thị Y được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 714.000đ theo biên lai số 008975 ngày 13/4/2012 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị Y còn phải nộp 2.978.000đ.

Ông Nguyễn Thế C phải chịu án phí DSST là 6.292.000đ (làm tròn số), được khấu trừ 3.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 24164 ngày 28/4/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B , tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Thế C còn phải nộp 3.292.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

1. Về thủ tục tố tụng: HĐXX, những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Cấp sơ thẩm tuyên án không rõ ràng, không đầy đủ, tuyên án hai bản án khác nhau gây khó khăn cho việc thi hành án và ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của các đương sự. Những vi phạm của cấp sơ thẩm không thể bổ sung khắc phục tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015 chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 58/2017/DSST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm, ngày 11/8/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của bà H là trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H HĐXX thấy, Cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất được chia di sản do ông B, bà N để lại gồm 7 người con của ông B, bà N. Trong đó, có hai đồng thừa kế là bà H2 và bà T từ chối nhận di sản thừa kế, những người thừa kế di sản của ông B, bà N còn lại là: Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thế C, Nguyễn Thị D. Do vậy, cấp sơ thẩm đã chia di sản của ông B, bà N để lại thành 05 phần bằng nhau. Cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế do ông B, bà N để lại là diện tích đất 8.930,2m², tại 04 thửa đất gồm: Thửa số 57, diện tích 3.200,8m²(ông B đã chuyển nhượng cho ông C, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông C, bà M), thửa số 258, diện tích 1.752m² (trong đó 703m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B, ông B đã chuyển nhượng cho bà H), thửa đất số 257, diện tích 1.353,2m² (trong đó có 684m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B, ông B đã viết di chúc thừa kế cho ông C); thửa số 151, diện tích 2.624,3m²(ông B chuyển nhượng cho bà H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà H). Sau khi trừ diện tích đất ông B đã chuyển nhượng cho ông C, bà H tại thửa đất số 57(1.800,45m²), thửa số 258(985,2m²), thửa số 151(1.476,15m²) và phần di sản ông C được thừa kế hợp pháp tại thửa số 257(684m²) và trừ 20% giá trị công sức duy trì tài sản cho ông C, bà H thì di sản của ông B, bà N để lại có giá trị là 369.279.824đ và cấp sơ thẩm chia giá trị tài sản của ông B, bà N để lại thành 05 phần bằng nhau cho 05 đồng thừa kế và giao cho ông C được quyền quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất của 03 thửa đất số 57, diện tích 3.200,8m², thửa số 257, diện tích 1.353,2m², thửa số 258, diện tích 1.800m² và buộc ông C phải thanh toán giá trị bằng tiền cho bà D, bà Y, bà H1 mỗi người 59.255.964đ, bà H 111.855.964đ, giao cho bà H được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất của thửa đất số 151, diện tích 2.624,3m² và buộc bà H thanh toán giá trị bằng tiền cho bà D, bà Y, bà H1, ông C mỗi người 14.000.000đ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ tuyên chia một phần diện tích các thửa đất cho các đương sự, phần diện tích đất còn lại không giao cụ thể cho ai quản lý,

sử dụng và cũng không tuyên tứ cận của từng thửa đất được giao là tuyên án không rõ ràng, gây khó khăn cho việc thi hành án.

Ngoài ra, tại phần quyết định của bản án gốc tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO762509, thửa đất số 57, tờ bản đồ số 83, diện tích 3.200,8m², do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 02/3/2009 cho ông Nguyễn Thế C, bà Hồ Thị Xuân M nhưng tại phần quyết định của bản án phát hành lại tuyên không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 268 BLTTDS năm 2015, không đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Xét thấy cấp sơ thẩm tuyên án không rõ ràng, không đầy đủ, tuyên hai bản án khác nhau gây khó khăn cho việc thi hành án và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các đương sự. Những vi phạm của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 58/2017/DSST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H, hủy bản án sơ thẩm số 58/2017/DSST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001142, ngày 18/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND Tp. BMT;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hằng